

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 31/10/2018.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuất.
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Tấn Đ, sinh năm 1992.

Trú tại: Khóm 2, phường 1, thị xã V, tỉnh S. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Hiền T, sinh năm 1992.

Trú địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

(Anh Đ và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trương Tấn Đ yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Phan Thị Hiền T tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thị xã V, tỉnh S vào ngày 16/5/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được khoảng 1 tháng, sau đó đã tự sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả hai đều không liên lạc và quan tâm, chăm

sóc tới nhau. Vì vậy anh Đ không thể tiếp tục chung sống với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Đ và chị T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Hiền Trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường 1, thị xã V, tỉnh S. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị không có hạnh phúc thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh chị đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm nay. Hiện nay được biết anh Đ đã làm đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh thì chị cũng đồng ý ly hôn vì hiện nay chị cũng không còn tình cảm với anh Đ nữa nên chị cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với anh Đ thì vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - anh Đ, bị đơn - chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 BLTTDS 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết:

+Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Tấn Đ và chị Phan Thị Hiền T.

+Về con chung: Không xét đến.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét đến

+ Về án phí: đề nghị buộc anh Trương Tấn Đ phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn - anh Trương Tấn Đ; Bị đơn - Chị Phan Thị Hiền T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Tấn Đ và chị Phan Thị Hiền T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, thị xã V, tỉnh S vào năm 2016. Sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng anh Đ và chị T bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Qua bản tự khai, anh Đ trình bày nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên anh Đ và chị T đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm, trong thời gian sống ly thân anh Đạt và chị Thu không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa vì vậy anh Đ đã làm đơn xin ly hôn với chị T, theo biên bản lấy lời khai của chị Phan Thị Hiền T ngày 28/9/2018 thì chị T cũng xác nhận rằng chị và anh Đ không còn tình cảm với nhau nên chị cũng chấp nhận ly hôn theo đơn xin ly hôn của anh Đ.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng trong quá trình chung sống, anh Đ và chị T có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống, từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Hơn nữa, vợ chồng anh Đ, chị T cũng sống ly thân nhau một thời gian khá dài và không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Hiện tại cả anh Đ và chị T đều không muốn tiếp tục chung sống với nhau mà đều có nguyện vọng xin ly hôn.

Anh Đ cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, hiện nay anh Đ, chị T đã không chung sống với nhau nữa; do đó nếu có đoàn tụ để tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh Đ và chị T chưa có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Trương Tấn Đ và chị Phan Thị Hiền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Cần buộc anh Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trương Tấn Đ được ly hôn với chị Phan Thị Hiền T.

- *Về án phí*:

+ Anh Trương Tấn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0012731 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND phường 1
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận